



VINAPHARM

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2018



VỮNG VÀNG
TIẾN BƯỚC

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

06

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Lĩnh vực hoạt động
Sơ đồ tổ chức
Công ty thành viên
Định hướng phát triển
Rủi ro

35

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình tài chính
Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

44

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Đánh giá tình hình chung
Kết quả hoạt động kinh doanh
Đánh giá việc thực hiện mục tiêu năm 2018
Kế hoạch hoạt động năm 2019

56

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát

62

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018



“

Để tiếp nối những kết quả đạt được trong năm 2018, bước sang 2019, Hội đồng quản trị - Ban lãnh đạo Vinapharm sẽ tiếp tục nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất, không ngừng nâng cao năng lực, sáng tạo và đổi mới. Chúng tôi tin tưởng sẽ hoàn thành tốt kế hoạch 2019 và đưa Vinapharm phát triển lên tầm cao mới trong những năm tiếp theo, đáp ứng sự tin tưởng và kỳ vọng của cổ đông, khách hàng.

”

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên!

Năm 2018 kinh tế thế giới có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại với nhiều yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn ra ngày càng phức tạp. Bên cạnh đó, lạm phát toàn cầu có xu hướng tăng cao hơn 2017 do giá dầu bình quân tăng mạnh. Về phần kinh tế Việt Nam, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 cao nhất kể từ 2018 trở về đây, đạt 7,08%, khá cao so với các nước trong khu vực. Chỉ số CPI duy ở mức ổn định, đạt 3,54%.

Vinapharm đã có những chiến lược và chính sách đúng đắn về sản phẩm, thị trường, đổi mới công nghệ sản xuất, đồng thời tái cấu trúc bộ máy nhân sự, nâng cao năng lực quản lý và năng suất lao động nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm ERP vào quản lý, sản xuất và kinh doanh.

Tổng doanh thu hợp nhất năm 2018 của Vinapharm đạt 6.248 tỷ đồng, đạt thấp hơn 2017, tuy nhiên tổng doanh thu tổng hợp đạt 187,2 tỷ đồng, tăng 17,6% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế tổng hợp của Tổng công ty đã tăng mạnh từ 26,9 tỷ năm 2017 lên 90,6 tỷ năm 2018 (tương đương bằng 337,1%).

Trong năm 2018 giá giao dịch cổ phiếu DVN trên UPCoM giao động từ 14.000 -18.800 đồng. Để tiếp nối những kết quả đạt được trong năm 2018, bước sang 2019, Hội đồng quản trị - Ban lãnh đạo Vinapharm sẽ tiếp tục nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất, không ngừng nâng cao năng lực, sáng tạo và đổi mới. Chúng tôi tin tưởng sẽ hoàn thành tốt kế hoạch 2019 và đưa Vinapharm phát triển lên tầm cao mới trong những năm tiếp theo, đáp ứng sự tin tưởng và kỳ vọng của cổ đông, khách hàng.

Cùng với lời cảm ơn chân thành nhất, chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ, chia sẻ và đồng hành của quý vị trong thời gian tới.

Trân trọng!

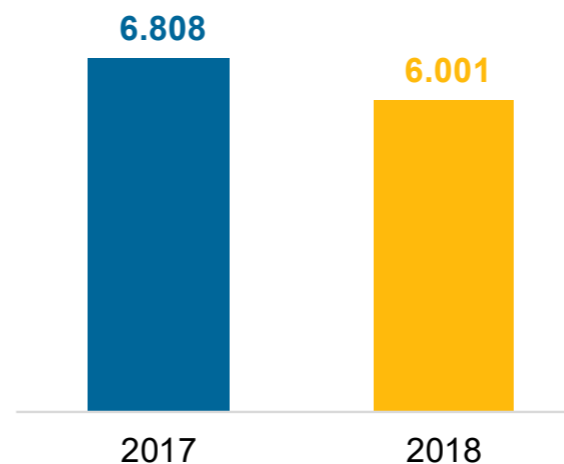
DR. LÊ VĂN SƠN
Chủ tịch HĐQT

MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TÀI CHÍNH CƠ BẢN

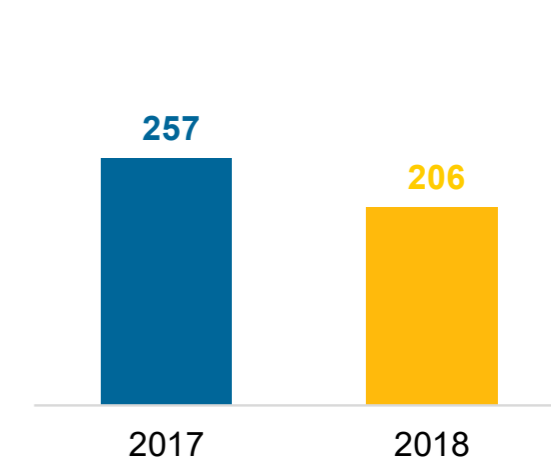
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017 ^(*)	2018
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.842	6.049
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.808	6.001
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	6.196	5.485
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	612	515
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	78	93
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	136	125
Phần lãi trong công ty liên kết	Tỷ đồng	165	150
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	330	290
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	147	126
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	243	217
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	33	0,48
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	276	218
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	257	206
Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản	Tỷ đồng	6.092	5.714
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.370	2.370
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.522	2.661
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
ROA	%	4,2	3,6
ROE	%	10,8	8,0

(*) Các số liệu năm 2017 (từ ngày 08/12/2016 đến 31/12/2017) dựa trên số liệu điều chỉnh trong BCTC kiểm toán năm 2018

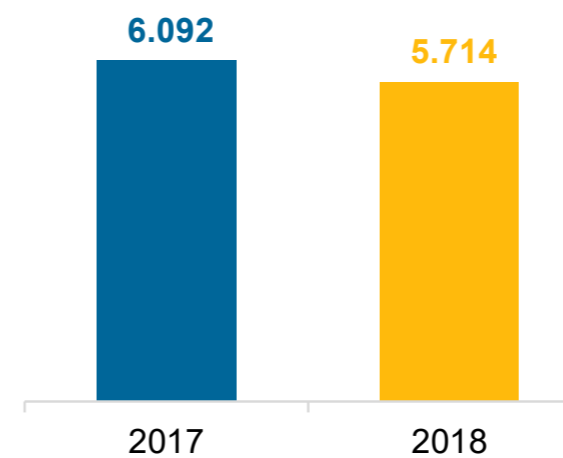
Doanh thu thuần năm 2017 và 2018
(Tỷ đồng)



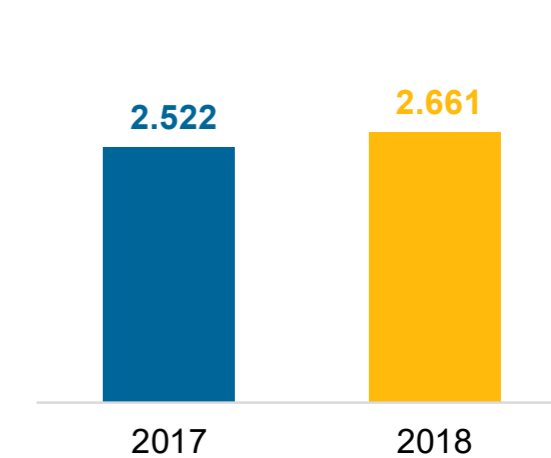
Lợi nhuận sau thuế năm 2017 và 2018
(Tỷ đồng)



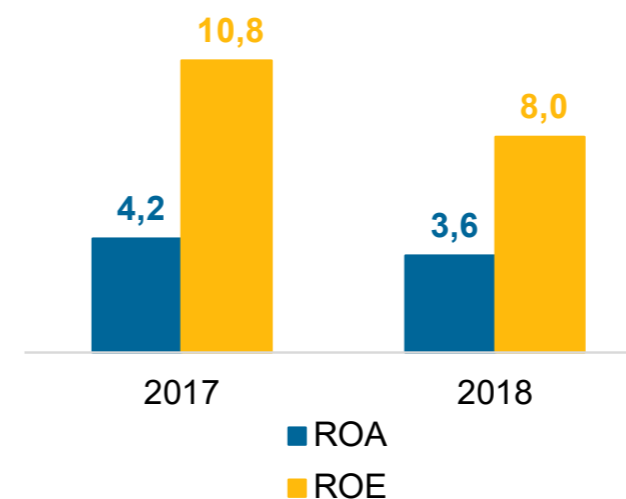
Tổng tài sản năm 2017 và 2018
(Tỷ đồng)



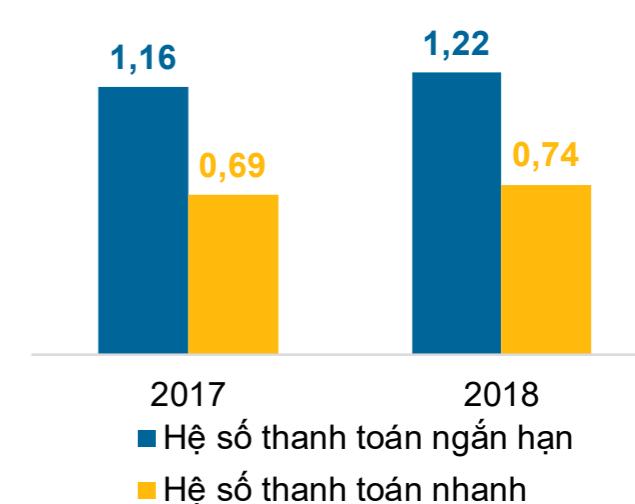
Vốn chủ sở hữu năm 2017 và 2018
(Tỷ đồng)



Hệ số sinh lời năm 2017 và 2018 (%)



Hệ số thanh toán năm 2017 và 2018 (%)



TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP (Vinapharm) là Tổng công ty duy nhất của ngành Dược Việt Nam do Bộ Y tế nắm giữ cổ phần chi phối, được thành lập từ năm 1971. Vinapharm hiện đang có cổ phần, vốn góp tại 24 doanh nghiệp thành viên. Trong những năm qua, Vinapharm và các doanh nghiệp thành viên đã góp phần quan trọng trong việc cung ứng các sản phẩm thuốc phục vụ công tác chăm sóc, khám chữa bệnh cho nhân dân.

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

- Trụ sở chính: 12 Ngô Tất Tố, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Điện thoại: 024.3844.3151 / 024.3844.3149
- Fax: 024.3844.3665
- Email: vinapharm@vinapharm.com.vn
- Website: vinapharm.com.vn
- Vốn điều lệ: 2.370 tỷ đồng



GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN
GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
RỦI RO

TOP 10

Công ty uy tín ngành dược
Việt Nam năm 2018



TOP 500

Doanh nghiệp lớn nhất
Việt Nam năm 2018





TẦM NHÌN

- Vinapharm trở thành tập đoàn Đầu tư - Kinh doanh dược phẩm hàng đầu, chiếm thị phần lớn trên thị trường dược Việt Nam.
- Vinapharm trở thành thương hiệu lớn trên thị trường.

SỨ MỆNH

- Đối với khách hàng: Cam kết mang đến những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng tốt nhất, có hàm lượng công nghệ cao nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng.
- Đối với các bên liên quan: Là đối tác tin cậy trong lĩnh vực dược phẩm.
- Đối với các doanh nghiệp thành viên: Đề cao tinh thần hợp tác, cùng phát triển; cam kết là người đồng hành, cổ động năng động của doanh nghiệp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- Sức mạnh kết nối
- Hướng đến cộng đồng
- Phát triển bền vững

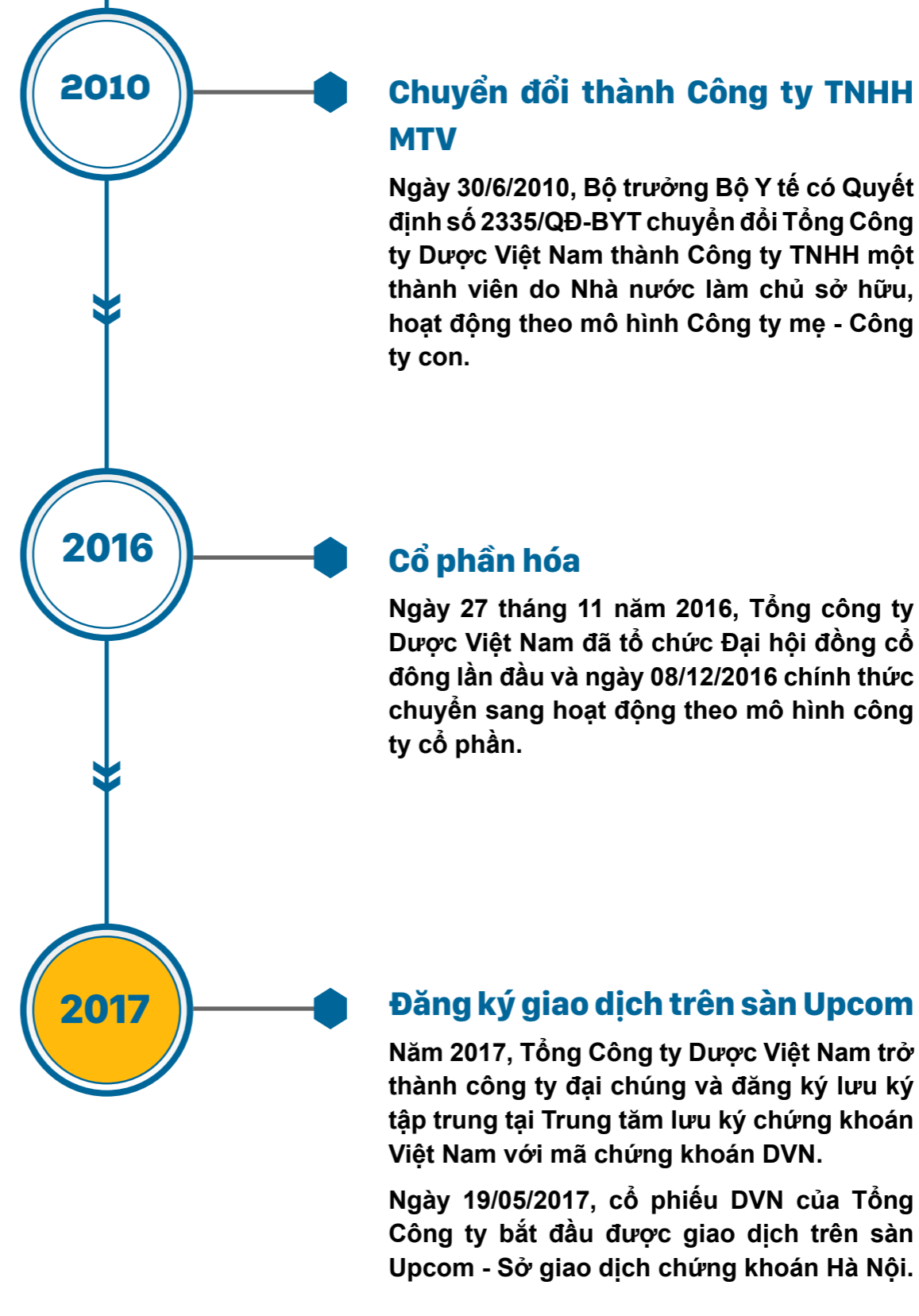
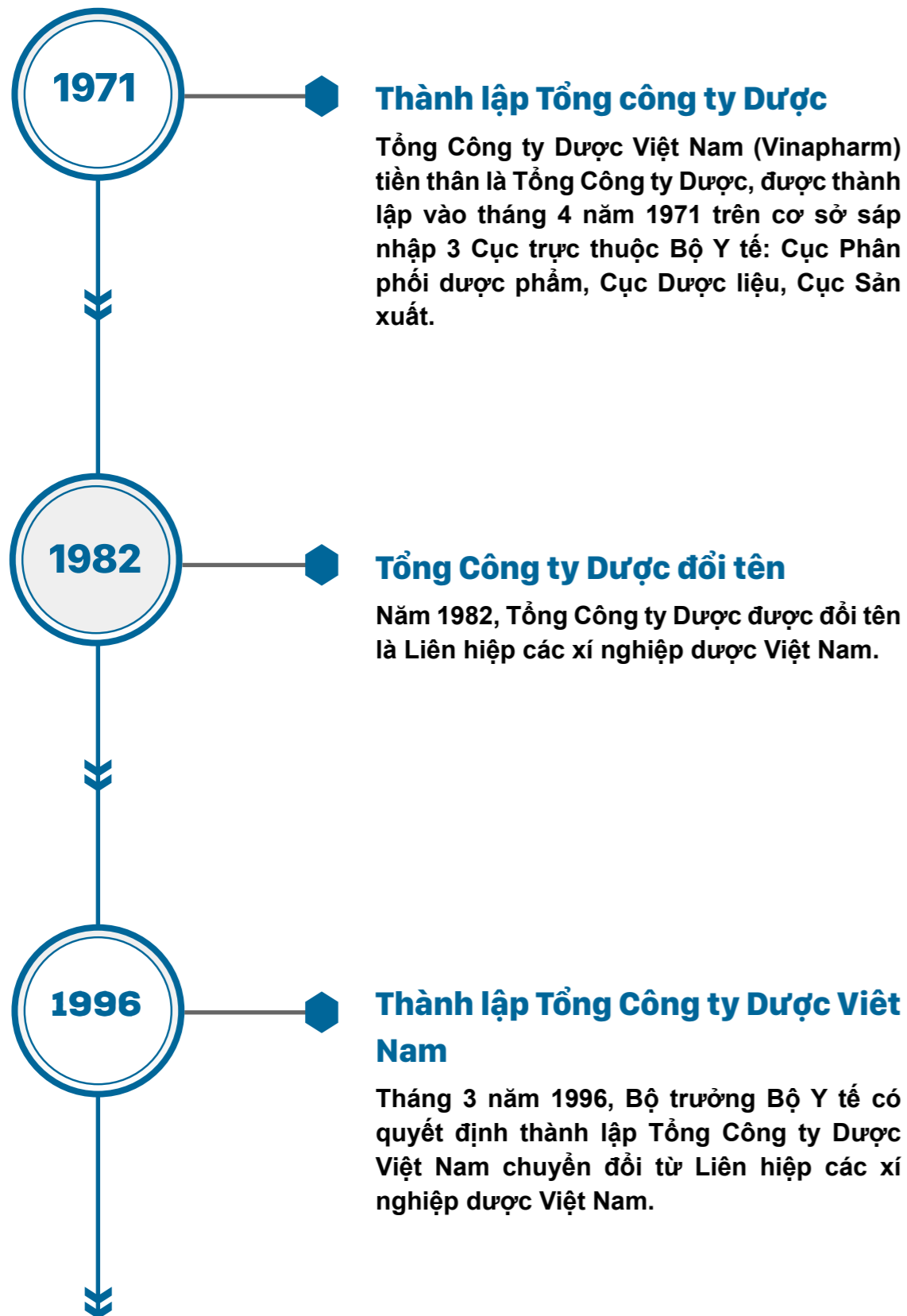


VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

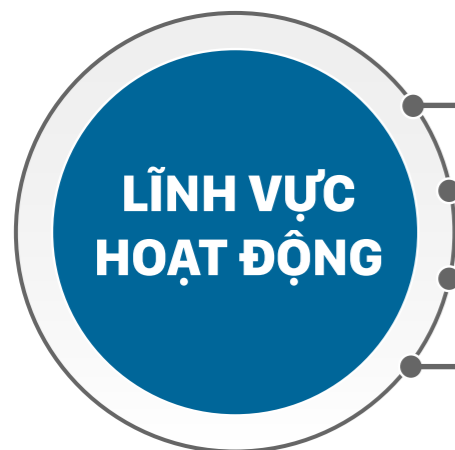
Văn hóa Doanh nghiệp của **Vinapharm** được xây dựng trên 3 chữ:

TÂM - TÍN - TÌNH





LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



- ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
- SẢN XUẤT THUỐC
- PHÂN PHỐI THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ
- NGHIÊN CỨU TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC (BE)

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tính đến ngày 31/12/2018, Vinapharm có cổ phần, vốn góp tại 24 doanh nghiệp. Trong đó, nhiều đơn vị là các công ty lớn với thương hiệu và uy tín lâu năm trong ngành dược.

GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1.690.009.822.314

Đồng

TỔNG TÀI SẢN HỢP NHẤT

5.713.589.473.828

Đồng

VỐN ĐIỀU LỆ CỦA 24 CTTV

4.301.186.170.000

Đồng

SẢN XUẤT THUỐC

Nhà máy GMP của Công ty CP Dược TW3 có diện tích hơn 1.500m² được Cục quản lý Dược - Bộ Y tế cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn thực hành thuốc tốt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới: GMP - WHO, GLP, GSP. Hiện tại Công ty đang sở hữu 2 dây chuyền sản xuất thuốc: Dây chuyền thuốc viên nén, viên nén bao phim, viên nang cứng, thuốc bột, thuốc cốm với diện tích 420m². Dây chuyền cao xoa, thuốc dùng ngoài với diện tích 300m². Số mặt hàng được cấp số đăng ký 78 mặt hàng và hiện tại công ty đang tiến hành sản xuất và kinh doanh 60 mặt hàng.



Ceteco Cenflu



Oresol Baby



Cenpadol 250



Cenpadol 150



PVP-IODINE 10%



Ceteco Dabicom

PHÂN PHỐI THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ

Hệ thống phân phối của Tổng công ty được thiết lập dựa trên cơ sở hệ thống phân phối của các Công ty con là CPC1, Codupha và Dược TW3. Hiện tại, Hệ thống đã có gần 20.000m² kho với 950 nhân sự và nhiều phương tiện vận tải tốt. Cùng với việc áp dụng phần mềm quản lý thông minh, hệ thống phân phối của Tổng công ty đã đáp ứng tốt về năng lực, kỹ thuật phân phối cho các khách hàng lớn, nhỏ và để thực hiện đấu thầu cung ứng thuốc cho các bệnh viện với độ bao phủ trên toàn quốc.

Địa bàn	Diện tích kho (m ²)	Nhân sự (người)	Phương tiện VC (Xe tải, xe nâng, xe thùng lạnh)
Miền Bắc	7.756	357	23
Miền Trung - Tây Nguyên	2.579	165	16
Miền Nam	10.223	428	28
Tổng cộng	20.558	950	67



Năm 2018, Tổng Công ty đã tiến hành phân phối dòng thực phẩm bảo vệ sức khỏe **Olimpiq SXC 250% SL Capsules A+B** với xuất xứ từ Hungary. Dòng sản phẩm Olimpiq có công dụng chính là hỗ trợ chống oxy hóa tế bào, giúp bảo vệ và hạn chế tác hại của gốc tự do đối với các tế bào gốc.

NGHIÊN CỨU TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC (BE)

Tại Việt Nam, hoạt động nghiên cứu đánh giá tương đương sinh học (BE) của Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP là mô hình đầu tiên được thực hiện bởi Doanh nghiệp - mô hình này phù hợp với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Tổng công ty luôn chú trọng tuyển dụng đội ngũ nhân lực trình độ cao (Thạc sĩ, Dược sĩ, Cử nhân...), có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu tương đương sinh học, đồng thời liên tục cử các cán bộ nhân viên học tập và trao đổi với các Trung tâm BE của các nước trong khu vực.

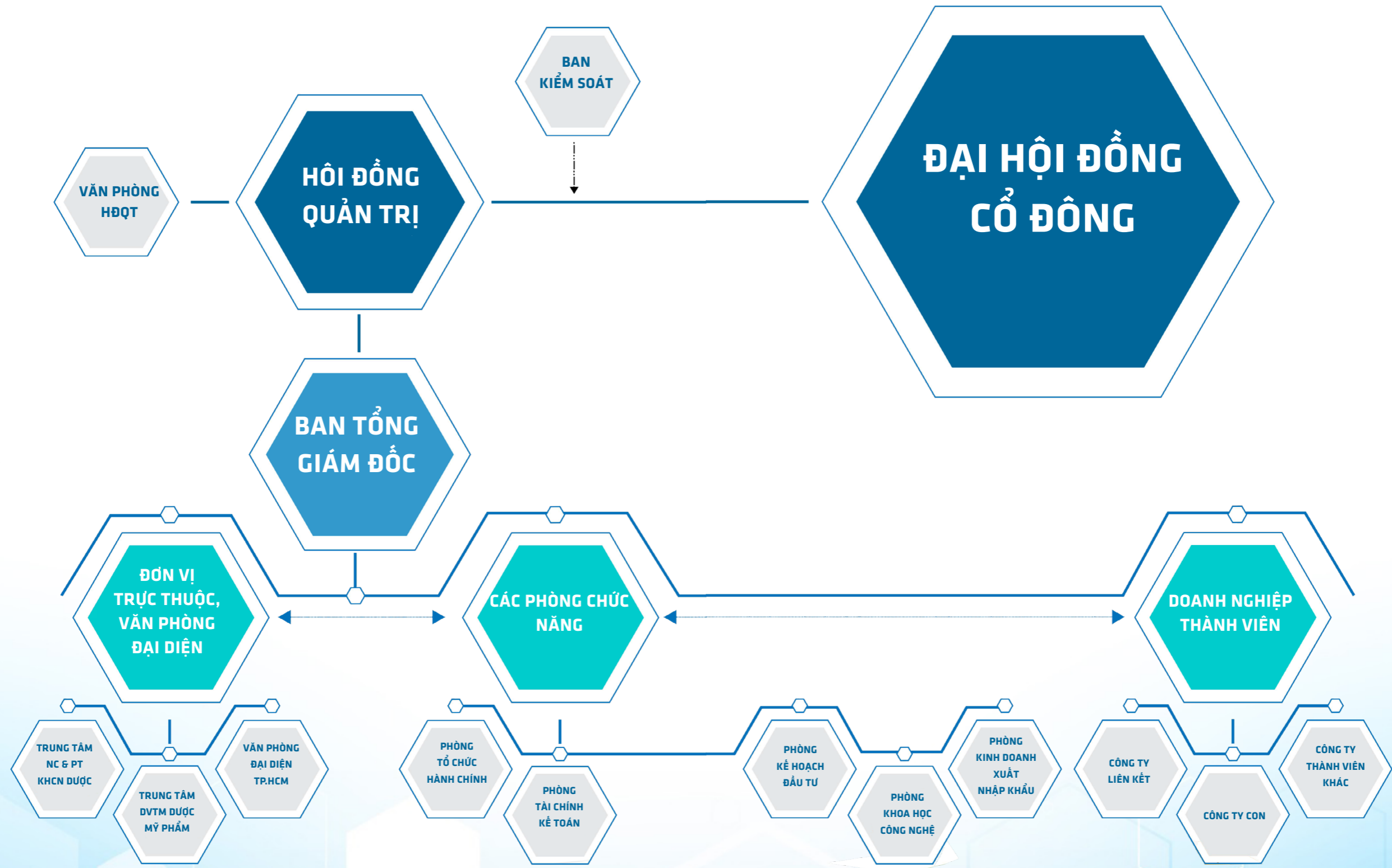
Với thiết bị hiện đại, công nghệ cao (từ Mỹ, Đức, Nhật Bản...), thích hợp với việc phân tích mẫu thuốc trong dịch sinh học có nồng độ thấp, Tổng công ty đã đẩy mạnh khảo sát, xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích; nhanh nhất đưa ra được phương pháp phân tích tối ưu. Tổng công ty đã có sẵn nhiều phương pháp phân tích thuốc trong dịch sinh học các nhóm thuốc kháng sinh, kháng vi rút, tim mạch, tiểu đường, huyết áp, thuốc hướng thần, các thuốc kết hợp nhiều hoạt chất, thuốc có các dạng bào chế đặc biệt.

Tổng công ty luôn tôn trọng tính đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học; nghiêm túc chấp hành đúng các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý.

Số lượng nghiên cứu thực hiện trong năm 2018 tiếp tục duy trì ở mức 15 - 20 nghiên cứu.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con là những công ty mà Tổng công ty sở hữu trên 50% Vốn điều lệ
 Công ty liên kết là những công ty mà Tổng công ty sở hữu từ 20% đến dưới 50% Vốn điều lệ
 Công ty thành viên khác là những công ty mà Tổng công ty sở hữu dưới 20% Vốn điều lệ

- Chỉ đạo
- ←·····→ Phối hợp
- Kiểm tra, giám sát

CÔNG TY THÀNH VIÊN

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP hiện nay gồm có 24 công ty thành viên, bao gồm: 03 công ty con, 07 công ty liên kết và 14 công ty đang đầu tư góp vốn.



CÔNG TY CON





1. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1



87 Nguyễn Văn Trỗi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.



Kinh doanh thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực dược phẩm.



209.790.000.000 đồng



DP1



65,41%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.841	1.584	86,0%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.390	2.620	109,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	47	38	80,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	60	39	65,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48	32	66,5%

Kho chứa hàng tiêu chuẩn GSP



Trụ sở chính



Hoạt động kinh doanh chính



Vốn điều lệ



Ký hiệu



Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty



2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA



509 - 515 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, TP. HCM.



Kinh doanh thương mại và dịch vụ trong lĩnh vực dược phẩm.



182.700.000.000 đồng



CDP



66,35%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.030	1.823	89,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.665	3.089	84,3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	24	29	119,6%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	38	28	74,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	35	25	71,5%

Kho chứa hàng tiêu chuẩn GSP



Tháng 10/2017, Tổng kho Codupha Hồ Chí Minh được thành lập tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân

Ngày 11/05/2018, Codupha khánh thành Văn phòng và Kho GSP tại chi nhánh Codupha Miền trung



CETECO
COLLAGEN Extra
Bổ sung Collagen, các Vitamin thiết yếu
Nuôi dưỡng và ngăn ngừa lão hóa da



CÔNG TY LIÊN KẾT

3. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3

- 115 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- Sản xuất, kinh doanh dược phẩm.
- 17.500.000.000 đồng

- TW3
- 65,00%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	165	131	79,3%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	237	256	108,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	2	0,2	9,6%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	0,3	4,9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5	0,2	4,3%

Sản phẩm tiêu biểu



Ceteco Cenflu



Oresol Baby



Cenpadol 250

1. CTCP DƯỢC PHẨM SANOFI - SYNTHELABO VIỆT NAM

- 10 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- 77.467.000.000 đồng

- SSV
- 30,00%

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.557	1.299	83,4%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.926	1.773	92,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	404	407	100,7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	406	403	99,5%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	324	310	95,6%

Hình ảnh công ty và nhà máy



2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM



4 Đường 30/4, P. 1, TP. Cao Lãnh, T. Đồng Tháp.



IMP



Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế.



22,87%



494.211.590.000 đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.774	1.774	100,0%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.165	1.185	101,7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	146	171	117,0%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	147	174	118,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	117	139	118,2%

3. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA



253 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.



DANP



Sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong ngành dược



29,86%



130.200.000.000 đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	689	817	118,6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	467	412	88,2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	83	61	74,1%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83	60	72,6%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	66	48	72,3%

4. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ VIỆT NAM



138 Giảng Võ, P. Kim Mã, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.



XNK



Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm, máy móc trang thiết bị, dụng cụ y tế, vật tư y tế



41,15%



20.051.000.000 đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	208	157	75,6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	615	591	96,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	6	5	85,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	5	88,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5	4	88,6%

5. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 3



16 Lê Đại Hành, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.



DP3



Sản xuất kinh doanh thuốc và dịch vụ thương mại.



24,82%



68.000.000.000 đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	215	240	111,7%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	322	471	146,1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	46	102	218,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	48	102	212,3%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	38	80	208,9%

6. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG 25



120 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh.



UPH



Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.



28,43%



132.946.410.000 đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	395	411	104,0%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	162	113	69,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	6	0,4	6,9%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	13	197,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5	8	161,4%

7. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA-NANOSOME



253 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.



DNSM



Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.



25,00%



18.000.000.000 đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	21	20	97,1%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	5	2	39,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	1	-0,1	-6,7%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1	-0,1	-7,2%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1	-0,1	-9,2%



VỮNG VÀNG TIẾN BƯỚC



GIỚI THIỆU
BAN LÃNH ĐẠO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Văn Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1962

Trình độ: Dược sĩ

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm TW Codupha.



Ông Đinh Xuân Hân

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1969

Trình độ: Thạc sĩ

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Dược Danapha.



Ông Trần Anh Vương

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1972

Trình độ: Thạc sĩ

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW25;
- Thành viên HĐQT CTCP Công viên Đầm Sen;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư BVG;
- Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ;
- Thành viên HĐQT CTCP SAMETEL.



Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1975

Trình độ: Thạc sĩ

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Phó TGĐ CTCP Tập đoàn Đầu tư Việt Phương;
- Thành viên HĐQT CTCP Imexpharm;
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Sanofi Synthelabo Việt Nam;
- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Sanofi Việt Nam.



Bà Nguyễn Hồng Nhung

Thành viên Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1979

Trình độ: Dược sĩ

Chức vụ tại các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TW CPC1.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Khải

Trưởng Ban Kiểm Soát

Sinh năm: 1970

Trình độ: Cử nhân



Bà Ngô Thị Bích Thảo

Thành viên Ban Kiểm Soát

Sinh năm: 1972

Trình độ: Cử nhân



Ông Trần Văn Hải

Thành viên Ban Kiểm Soát

Sinh năm: 1978

Trình độ: Thạc sĩ

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Đinh Xuân Hân

Tổng Giám đốc

(Đã giới thiệu ở trên)



Bà Hàn Thị Khánh Vinh

Phó Tổng Giám đốc

(Đã giới thiệu ở trên)



Ông Trần Anh Tuấn

Kế toán trưởng

Sinh năm: 1980

Trình độ: Cử nhân

Với mục tiêu chiến lược là trở thành doanh nghiệp hàng đầu về phân phối dược phẩm tại Việt Nam, đến năm 2021 chiếm trên 30% thị phần phân phối và đưa Tổng công ty Dược Việt Nam - CTCP trở thành Tập đoàn đầu tư kinh doanh dược phẩm có đủ sức cạnh tranh với các công ty đa quốc gia. Chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2017 - 2021 của Tổng Công ty như sau:

01

XÂY DỰNG HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống phân phối chuyên nghiệp trên cơ sở 3 công ty con (CPC1, Codupha và TW3) và mở rộng kinh doanh xuất nhập khẩu.

02

MỞ RỘNG DỰ ÁN NGHIÊN CỨU TƯƠNG ĐƯƠNG SINH HỌC (BE)

Đầu tư mở rộng nghiên cứu BE đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp Dược trong nước và quốc tế, đem lại uy tín, thương hiệu và lợi ích kinh tế cho Tổng công ty. Tầm nhìn:

- Tiến tới hòa hợp ASEAN trong lĩnh vực nghiên cứu sinh khả dụng/tương đương sinh học của thuốc.
- Đáp ứng nhu cầu nghiên cứu tương đương sinh học của doanh nghiệp trong và ngoài nước khi đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam.



03

PHÁT TRIỂN VÙNG NGUYÊN LIỆU DƯỢC

Tổng công ty đang nghiên cứu phương án đầu tư để nuôi trồng, chế biến, xây dựng hoặc góp vốn đầu tư nhà máy sản xuất các sản phẩm từ dược liệu.

04

ĐẦU TƯ, KHAI THÁC HIỆU QUẢ CÁC TÀI SẢN TRÊN ĐẤT VÀ LỢI THẾ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ CÁC QUỸ ĐẤT MÀ TỔNG CÔNG TY ĐANG ĐƯỢC QUYỀN SỬ DỤNG

Khai thác có hiệu quả hai khu đất mà Tổng công ty đang quản lý tại địa chỉ số 95 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và số 178 Điện Biên Phủ, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, ... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tăng trưởng kinh tế: Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Những biến động trong nền kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty.

Lạm phát: Yếu tố vĩ mô tác động đến toàn bộ nền kinh tế dẫn đến nhu cầu tiêu thụ có thể diễn biến tệ hơn dự kiến, hoặc đẩy chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng lên.

Lãi suất: Do tỷ lệ nguyên liệu nhập khẩu của công ty chiếm hơn 50% và các khoản nợ ngân hàng của công ty khá lớn nên chịu tác động mạnh của tỷ giá và lãi suất.

Rủi ro pháp luật

Ngành dược là một trong những ngành chịu nhiều tác động bởi sự quản lý của Nhà nước. Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản pháp lý để quản lý ngành dược bao gồm các văn bản liên quan đến các vấn đề như chính sách của Nhà nước về lĩnh vực dược, quản lý của Nhà nước về giá thuốc, điều kiện kinh doanh thuốc, quản lý thuốc thuộc danh mục phải kiểm soát đặc biệt, tiêu chuẩn chất lượng thuốc, cơ sở kiểm nghiệm thuốc. Chỉ có các doanh nghiệp đáp ứng được những tiêu chuẩn này mới có thể tồn tại kinh doanh và phát triển. Những quy định này sẽ khiến các công ty dược nhỏ lẻ tại Việt Nam sáp nhập hoặc mua lại, thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao, tập trung phát triển theo chiều sâu để có thể cạnh tranh với các công ty đa quốc gia.

Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro về biến động giá cả và chất lượng nguyên vật liệu

Sự biến động về giá cả và chất lượng nguyên vật liệu có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Nguyên phụ liệu dược phẩm được nhập khẩu từ nhiều nước trên thế giới trong đó hai thị trường lớn nhất là Ấn Độ và Trung Quốc. Ngoài hai thị trường chính trên, Việt Nam còn nhập dược phẩm từ các nước khác như Pháp, Đức, Áo, Italia, ...

Rủi ro về hàng giả, hàng nhái

Hiện nay, hiện tượng hàng giả, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực dược phẩm đang trở thành một thực tế đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp dược có hoạt động sản xuất kinh doanh và cạnh tranh lành mạnh trên thị trường. Vấn đề này gây thiệt hại rất lớn tới lợi ích và uy tín của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong ngành dược vì các sản phẩm dược phẩm nhái giả và nhập lậu kém chất lượng đe dọa trực tiếp tới sức khỏe và tính mạng của người sử dụng.

Rủi ro về đặc thù sản phẩm

Dược phẩm là một loại hàng hoá đặc biệt liên quan đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành dược là khá cao so với các ngành công nghiệp khác trên thế giới, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp.

Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro mất lợi nhuận, đồng thời tốn thêm chi phí tiêu hủy cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, những doanh nghiệp có khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý sẽ hạn chế được đáng kể rủi ro này.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
CỔ ĐÔNG VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2018		TH 2018		TH 2018/KH 2018	
		Tổng hợp	Hợp nhất	Tổng hợp	Hợp nhất	Tổng hợp	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	203	6.682	187	6.248	92,2%	93,5%
1.1	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	70	50	138	93	196,7%	187,9%
1.2	Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	166	-	150	-	90,4%
1.3	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	133	6.454	49	6.001	36,9%	93,0%
1.4	Thu nhập khác	-	12	-	3	-	30,3%
2	Lợi nhuận trước thuế	33	243	91	218	274,8%	89,6%
3	Lợi nhuận sau thuế	30	223	91	206	297,5%	92,4%

Kết quả kinh doanh tổng hợp

- Tổng doanh thu: Tổng doanh thu tổng hợp của Tổng công ty năm 2018 đạt 187,38 tỷ đồng, tăng 17,6% so với năm trước (từ 08/12/2016-31/12/2017) và bằng 92,2% kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế tổng hợp Công ty mẹ năm 2018 đạt 90,59 tỷ đồng, tương đương 337,1% so với năm trước và bằng 274,8% kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế tổng hợp Công ty mẹ năm 2018 đạt 90,59 tỷ đồng, tương đương 337,1% so với năm trước và bằng 297,5% kế hoạch năm 2018.

Kết quả kinh doanh hợp nhất

- Tổng doanh thu: Tổng doanh thu hợp nhất của Tổng công ty năm 2018 đạt 6.248 tỷ đồng, tương đương 88,0% so với năm trước và bằng 93,5% kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Tổng công ty năm 2018 đạt 218 tỷ đồng, tương đương 78,8% so với năm trước và bằng 89,6% kế hoạch năm 2018.

- Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Tổng Công ty năm 2018 đạt 206 tỷ đồng, tương đương 80,2% so với năm trước và bằng 92,4% kế hoạch năm 2018.

Kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017	2018
Tổng doanh thu	6.842	6.049
Doanh thu thuần	6.808	6.001
Giá vốn hàng bán	6.196	5.485
Lợi nhuận gộp	612	515
Doanh thu tài chính	78	93
Chi phí tài chính	136	125
Phần lãi trong công ty liên kết	165	150
Chi phí bán hàng	330	290
Chi phí QL doanh nghiệp	147	126
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	243	217
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	33	0,5
Lợi nhuận trước thuế	276	218
Lợi nhuận sau thuế	257	206

Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2018

Không có

Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: Tổng công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: theo quy định của Bộ Luật Lao động.
- Được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc một cách tốt nhất, hiện đại nhất và thoải mái nhất.
- Đối với lực lượng lao động trực tiếp, được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn và bảo hộ lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

- Mục tiêu tuyển dụng của Tổng công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho Tổng công ty. Tùy từng vị trí cụ thể, Tổng công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
- Tổng công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích Tổng công ty. Ngoài

việc khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV của Tổng công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Tổng công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoặc cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề.

Tiền lương, Bảo hiểm xã hội và phúc lợi:

- CBCNV được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN. Tổng công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động tham quan, nghỉ mát hàng năm cho CBCNV,.....từ đó tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình của người lao động cho sự phát triển của Tổng công ty.
- Hàng năm, Tổng công ty thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức cho nhân viên. Tổng công ty có những chính sách đãi ngộ nhân viên như tổ chức khám bệnh định kỳ hàng năm và tổ chức các hoạt động văn hóa thể thao, chăm sóc thiếu niên nhi đồng là con em của cán bộ nhân viên Tổng công ty thông qua các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty.



Thống kê nhân sự năm 2018

(Tại Văn phòng Tổng Công ty)

Tiêu chí	Số lượng 2017 (người)	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018
Theo trình độ lao động	47	49	100 %
Trình độ Đại học và trên Đại học	36	38	78 %
Trình độ Cao đẳng, trung cấp	6	6	12 %
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	5	5	10 %
Theo đối tượng lao động	47	49	100 %
Lao động trực tiếp	19	23	47 %
Lao động gián tiếp	28	26	53 %
Theo giới tính	47	49	100 %
Nam	19	20	41 %
Nữ	28	29	59 %
Theo độ tuổi	47	49	100 %
Dưới 25	4	4	8 %
Từ 25-35	20	19	39 %
Trên 35	23	26	53 %
Theo thời gian làm việc tại công ty	47	49	100 %
Từ 0-2 năm	14	14	29 %
Từ 2-5 năm	19	15	31 %
Từ 5-10 năm	8	12	24 %
Trên 10 năm	6	8	16 %



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

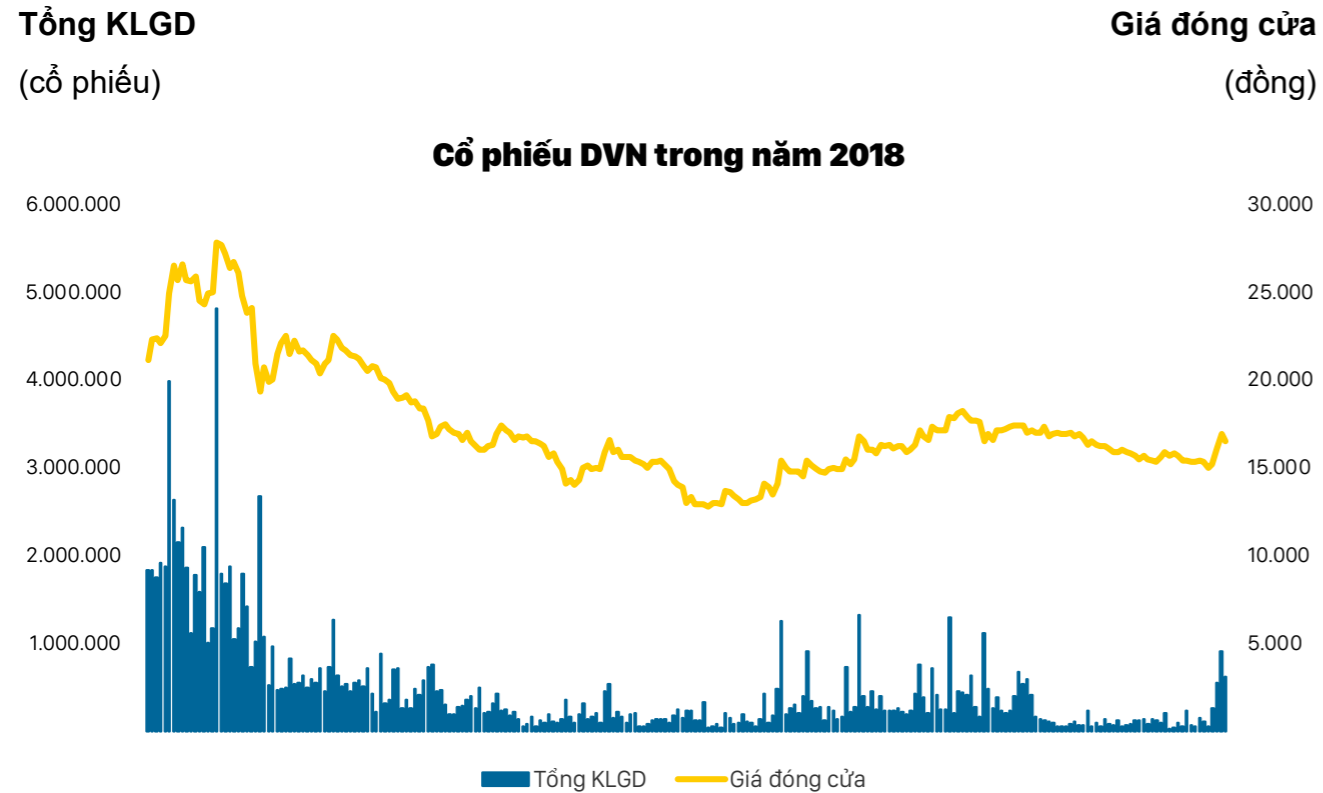
Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2018/2017
Tổng tài sản	Tỷ đồng	6.092	5.714	93,8%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6.808	6.001	88,1%
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	78	93	119,4%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	243	217	89,4%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	276	218	78,8%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	257	206	80,2%

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2018/2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,16	1,22	105,3%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,69	0,74	106,5%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	58,60	53,43	91,2%
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	%	141,56	114,71	81,0%
3. Chỉ tiêu năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,23	3,56	84,2%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Vòng	1,12	1,05	94,0%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Hệ số LNST / Tổng TS	%	4,22	3,61	85,5%
Hệ số LNST / VCSH	%	10,80	8,00	74,1%
Hệ số LNST / DTT	%	3,78	3,44	91,0%
Hệ số LN từ HĐKD / DTT	%	3,57	3,62	101,5%

CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Tình hình cổ phiếu DVN trong năm 2018



STT	Tiêu chí	2018
1	Giá đầu năm (02/01/2018)	21.100 đồng
2	Giá cuối năm (28/12/2018)	16.500 đồng
3	Tăng trưởng cổ phiếu DVN năm 2018	-4.600 (-21,80%)
4	Giá cao nhất (23/01/2018)	27.800 đồng
5	Giá thấp nhất (12/07/2018)	12.800 đồng
6	Khối lượng giao dịch trung bình/ngày	473.780 cổ phiếu

Tổng số cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Tổng Công ty đã phát hành 237.000.000 cổ phiếu trong đó :

- Số cổ phổ thông : 237.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phần ưu đãi : 0 cổ phiếu
- Số cổ phần đang lưu hành : 237.000.000 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cá nhân / tổ chức	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Bộ Y tế	154.050.000	65,00%
2	CTCP Đầu tư Tập đoàn Việt Phương	40.290.000	17,00%
3	CTCP SAM Holdings	11.800.000	4,98%

Giao dịch cổ phiếu quỹ năm 2018

Không có

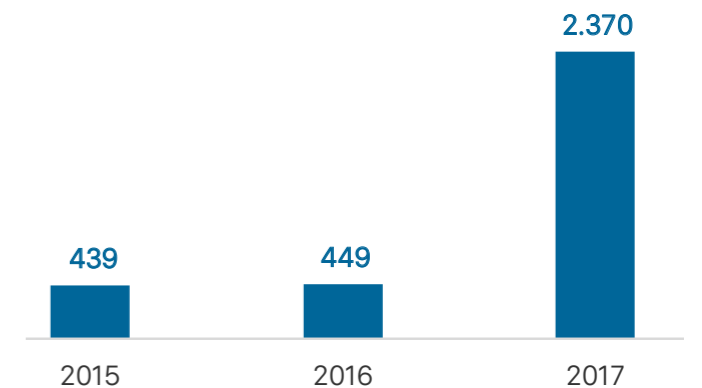
Lịch sử tăng vốn

- Giai đoạn 2015 - 2016, Tổng công ty tăng vốn lần đầu tiên lên thêm 10 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2016 - 2017, Tổng công ty chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% sang mô hình công ty cổ phần từ ngày 8/12/2016, nâng số vốn điều lệ từ hơn 449 tỷ đồng lên 2.370 tỷ đồng.

- Từ 08/12/2016 - 31/12/2018: Tổng công ty không thực hiện đợt tăng vốn điều lệ nào.

Vốn điều lệ (tỷ đồng)





ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN LÃNH ĐẠO

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU NĂM 2018

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Tình hình kinh tế vĩ mô

GDP tăng trưởng mạnh và đồng tiền ổn định là hai nhân tố tạo nên sự khác biệt của Việt Nam trong bức tranh kinh tế toàn cầu năm 2018. GDP của Việt Nam tăng trưởng 7,08% trong năm 2018 (tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ ổn định ở mức 3,7% năm 2018), được hỗ trợ bởi sản xuất công nghiệp (+13,0%), tiêu dùng (+7,2%) và xuất khẩu (+13,0%). Lạm phát được duy trì trong tầm kiểm soát cho dù tăng trưởng tín dụng ước tính đạt 14,0%, thặng dư thương mại 7 tỷ USD và tài khoản vãng lai đạt 7,1 tỷ USD cuối năm 2018. Năm 2018, CPI bình quân đạt 3,5%, thấp hơn dự báo và xấp xỉ mức năm 2017. Thông qua việc trích lập và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu và trì hoãn tăng giá điện cũng như thuế môi trường, Chính phủ đã duy trì tỷ lệ lạm phát ở mức dưới 4,0% trong năm 2018.

FDI: Từ đầu năm đến ngày 20 tháng 12 năm 2018, FDI đã thu hút 3.046 dự án mới được cấp phép với tổng số vốn đăng ký là 17,97 tỷ USD, tăng 17,6% về số lượng dự án và giảm 15,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2017. Bên cạnh đó, đã có 1169 lần dự án được cấp giấy phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn bổ sung là 7,6 tỷ USD, nâng tổng số vốn đăng ký mới và vốn bổ sung năm 2018 lên tới 25,6 tỷ USD. Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 6,59 tỷ USD, chiếm 36,7% tổng số vốn đăng ký.

Chỉ số cho sản xuất công nghiệp (IIP): Nhìn chung, năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp

(IIP) cho toàn ngành tăng 10,2% so với năm 2017. Trong ngành công nghiệp, ngành sản xuất tăng 12,3%, đóng góp tỷ trọng lớn nhất vào tăng trưởng chung của toàn ngành với 9,5 % điểm. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2018 của hầu hết các tỉnh, thành phố tăng so với năm trước, trong đó Hà Tĩnh là địa phương có tốc độ tăng trưởng cao nhất với mức tăng 89% do đóng góp của Tập đoàn Formosa, tiếp theo là Thanh Hóa, tăng tăng 34,9% chủ yếu do Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn mới được đưa vào sản xuất từ giữa năm 2018.

Thương mại: Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2018 đạt 482,23 tỷ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt 244,7 tỷ USD, kim ngạch nhập khẩu đạt 237,5 tỷ USD. Năm 2018, Việt Nam có thặng dư thương mại 7,2 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước thâm hụt thương mại 25,6 tỷ USD; khu vực FDI có thặng dư thương mại là 32,8 tỷ USD. Năm 2018, có 29 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu hơn 1 tỷ USD, chiếm 91,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó có 9 mặt hàng đạt hơn 5 tỷ USD và 5 mặt hàng đạt hơn 10 tỷ USD. Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch 47,5 tỷ USD.

Mặc dù có những bước tiến đáng kể trong vận hành kinh tế, nhưng theo Báo cáo cạnh tranh toàn cầu năm 2018 được công bố tại Diễn đàn kinh tế thế giới, Việt Nam chỉ đạt vị trí thứ 77 trong tổng số 140 quốc gia, thấp hơn 3 bậc so với năm 2017.

Thông tin ngành Dược



Căn cứ theo số liệu của Công ty Nghiên cứu thị trường Euromonitor International (EUI), mức chi tiêu thuốc bình quân theo đầu người ở Việt Nam chỉ mới dừng lại ở mức khoảng 65 – 70 USD vào năm 2018, thấp hơn nhiều so với mức trung bình của thế giới (trên 150 USD) và chỉ hơn một nửa mức trung bình của các nước Pharmaging (Các nước có ngành dược mới nổi). Bên cạnh đó, theo báo cáo của BMI, ngành dược Việt Nam năm 2018 có giá trị khoảng 5,2 tỷ USD và sẽ tăng trưởng với tốc độ 11%/năm trong vòng 5 năm tới đây.

Sự hấp dẫn của ngành dược phẩm Việt Nam tiếp tục được thể hiện và thu hút được dòng vốn đầu tư không chỉ của các tập đoàn lớn nước ngoài mà còn cả các tập đoàn đa ngành hàng đầu ở trong nước. Trong năm 2018, ngành dược Việt Nam chứng kiến rất nhiều thương vụ M&A liên tục được diễn ra, ví dụ như Imexpharm dự kiến thoái vốn S.Pharm và mua cổ phiếu của Agimexpharm, Nguyễn Kim

chào mua và nâng tỷ lệ sở hữu tại Ladophar... Đáng chú ý, thị trường dược nhiều khả năng sẽ đón nhận thêm những nhà đầu tư mới khi Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) có kế hoạch thoái vốn khỏi các doanh nghiệp ngành dược như Dược Hậu Giang (DHG), Traphaco (TRA), Domesco tới năm 2020. Đặc biệt, tiến trình này sẽ thu hút không ít các nhà đầu tư ngoại, tiêu biểu như cổ đông lớn Nhật Bản Taisho đang tích cực nâng tỷ lệ sở hữu tại Dược Hậu Giang lên ít nhất 51%, hoặc tập đoàn dược phẩm lớn thứ 2 Ba Lan là Adamed Group chi 50 triệu USD để mua 70% cổ phần Đạt Vi Phú (Davipharm).

Không chỉ sôi động trong các thương vụ M&A, sự tăng trưởng của ngành dược còn thể hiện qua việc hình thành các “thành viên” mới hay sự đẩy mạnh đầu tư nâng cấp của các doanh nghiệp hiện hành. Năm 2018 chứng kiến một số doanh nghiệp dược trong nước đã đi tiên phong trong việc đẩy mạnh đầu tư cải tiến công nghệ, sản phẩm để đáp ứng được tiêu chuẩn Châu Âu (EU-GMP) hoặc GMP Nhật Bản, điển hình như IMP, DHG. Bên cạnh đó, Vingroup, tập đoàn hàng đầu tại Việt Nam thể hiện quyết tâm tham gia ngành dược với dự án “Trung tâm Nghiên cứu sản xuất thuốc VinFa” tại huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh vào tháng 4/2018 và khai trương chuỗi 11 nhà thuốc VinFa tại Hà Nội vào cuối quý IV.

Theo đánh giá của Vietnam Report, các doanh nghiệp dược phẩm kỳ vọng việc bắt tay với doanh nghiệp nước ngoài sẽ mang thêm vốn,

công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm trong nước, hướng tới các dòng sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao hơn như EU-GMP, PIC/S..., trong khi việc kết nối với các nhà bán lẻ lớn sẽ giúp hoàn thiện chuỗi phân phối, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, đồng thời ứng dụng hiệu quả công nghệ 4.0 hiện nay.

Cũng theo Vietnam Report, các doanh nghiệp dược về cơ bản đều đánh giá cao vai trò của Chính phủ trong việc quản lý ngành dược, trong đó có giá thuốc hiện nay (sau khi Nghị định 54/2017/NĐ-CP được ban hành). Tuy nhiên, việc tỷ giá ngoại tệ thay đổi dẫn đến giá nguyên liệu nhập khẩu biến động làm tăng giá thuốc thành phẩm, trong khi giá bán lại bị khống chế mức trần khiến các doanh nghiệp bị ảnh hưởng không ít. Do vậy, các doanh nghiệp đề xuất Chính phủ, Bộ Y tế và cụ thể hơn là Cục quản lý Dược cần có lộ trình hướng dẫn doanh nghiệp trong việc định giá và mức độ tăng giá với tỷ lệ hợp lý.

Năm 2018, Vietnam Report đã phối hợp cùng báo điện tử Vietnamnet để thống kê và bầu chọn ra 10 doanh nghiệp dược phẩm uy tín nhất của năm. Các công ty được đánh giá, xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (1) Năng lực tài chính; (2) Uy tín truyền thông; (3) Khảo sát dược sỹ và Khảo sát doanh nghiệp. Theo báo cáo này, trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm, 4 trên 10 doanh nghiệp tiêu biểu của năm 2018 bao gồm Dược Hậu Giang, Traphaco, Pymephaco và Imexpharm (trong đó Imexpharm là

doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty). Về lĩnh vực phân phối, 4 trong 10 doanh nghiệp được bình chọn đứng đầu lần lượt là Phytopharma, Vimedimex, Khương Duy và Codupha (trong đó 3 doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty là Phytopharma, Vimedimex và Codupha).

Về công tác quản lý, trong năm 2018 theo số liệu thống kê, Cục Quản lý Dược đã cấp tổng cộng 1.958 số đăng ký thuốc mới từ ngày 27/3/2018 đến 29/10/2018, trong đó có 1.254 số đăng ký trong nước và 704 số đăng ký nước ngoài. Cũng trong năm 2018, Cục Quản lý Dược đã cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn nguyên tắc GMP-WHO cho 11 cơ sở sản xuất, nâng tổng số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này tại Việt Nam lên con số 222. Về các tiêu chuẩn sản xuất cao hơn GMP-WHO như GMP-PIC/S, EU-GMP hay các tiêu chuẩn khác, cho đến cuối năm 2018, chỉ có 19 cơ sở sản xuất được chứng nhận bao gồm các dây chuyền thuộc Công ty CP Savi, Công ty Stada Việt Nam, Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam, Công ty CP Dược Hậu Giang, Công ty CP Sanofi Việt Nam, Công ty CP Dược phẩm Imexpharm,... Tuy nhiên, với định hướng và các cơ chế thúc đẩy của Bộ Y tế, trong năm 2019 cũng như những năm tiếp theo sẽ có thêm nhiều đơn vị sản xuất nỗ lực đầu tư, cải thiện nhằm đạt được những chứng nhận tiêu chuẩn này.

KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 8/12/16- 31/12/17	KH 2018	TH 2018	So sánh	
					So với NT	So với KH
1	Tổng doanh thu	159	203	187	117,6%	92,2%
1.1	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	72	70	138	193,0%	196,7%
	<i>Trong đó: Cổ tức</i>	44	59	117	265,1%	200,7%
1.2	Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ	87	133	49	56,0%	36,9%
1.3	Thu nhập khác	0,1	0	0	-	-
2	Lợi nhuận trước thuế	27	33	91	337,1%	274,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	27	30	91	337,1%	297,5%

Năm 2018 mặc dù các doanh nghiệp trong ngành cũng như các doanh nghiệp có cổ phần vốn góp của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, kết quả doanh thu bán hàng của nhiều doanh nghiệp không đạt kế hoạch, do tình hình biến động về cung ứng nguyên liệu dược từ Trung Quốc năm 2018 gặp nhiều khó khăn do một số nhà máy sản xuất nguyên liệu dược phải đóng cửa vì không đảm bảo môi trường hoặc không mua được nguyên liệu đầu vào để sản xuất dẫn đến giá nguyên liệu tăng cao. Lợi nhuận tổng hợp của Tổng công ty đạt cao so với năm trước và kế hoạch năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua là do:

- Các doanh nghiệp đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tiết giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm và giá vốn hàng hóa, cơ cấu lại và tiết giảm chi phí quản lý, chi phí bán hàng để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Cùng với kết quả kinh doanh năm 2017, 2018 đạt tốt, trong năm 2018 nhiều doanh nghiệp có cổ phần vốn góp lớn của Tổng công ty quyết định chi trả cổ tức cao hơn dự kiến.
- Cổ tức nhận được trong năm 2017 không ghi nhận toàn bộ vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị các khoản đầu tư theo quy định.

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 8/12/16- 31/12/17	KH 2018	TH 2018	So sánh	
					So với NT	So với KH
1	Tổng doanh thu	6.935	6.515	6.098	87,9%	93,6%
1.1	Doanh thu HĐ đầu tư tài chính	78	50	93	119,4%	187,9%
1.2	Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ	6.808	6.454	6.001	88,1%	93,6%
1.3	Thu nhập khác	49	12	3	7,2%	30,3%
2	Phần lãi trong công ty LD, LK	165	166	150	91,0%	90,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	276	243	218	78,8%	89,6%
4	Lợi nhuận sau thuế	257	223	206	80,2%	92,4%

Năm 2018 các chỉ tiêu kết quả kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty đều đạt thấp hơn thực hiện năm 2017 và kế hoạch năm 2018, các nguyên nhân chính là:

- Năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ngành dược gặp nhiều khó khăn, thách thức. Các tập đoàn dược phẩm lớn trên thế giới tiếp tục đầu tư mạnh vào khâu sản xuất, tạo ra sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, các công ty sản xuất trong nước vừa phải cạnh tranh nội bộ ngành, vừa phải cạnh tranh với các thuốc nhập khẩu từ nhiều quốc gia trên thế giới. Năm 2018, nhiều công ty lớn có cổ phần, vốn góp của Tổng công ty không đạt kế hoạch doanh thu.
- Nguyên vật liệu ngành dược phụ thuộc lớn vào thị trường nước ngoài, năm 2018 nguồn hàng khó khăn và giá tăng lên rất cao trong khi giá bán sản phẩm không tăng làm cho hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm sút.
- Chính sách đấu thầu thuốc hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Các công ty con của Tổng công ty có tỷ trọng hàng nhập khẩu lớn, giá bán cao sẽ khó khăn hơn khi thực hiện đấu thầu vào bệnh viện.



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU NĂM 2018

1. Đầu tư tài chính và quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác

Hoạt động tài chính tiếp tục là hoạt động được Tổng công ty chú trọng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được Bộ Y tế giao và hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua. Việc quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên được thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, các quy định của Tổng công ty, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước và vốn của các cổ đông. Các hoạt động đầu tư tài chính thời gian qua đều có tiềm năng phát triển tốt và có hiệu quả. Cụ thể:

- Tổng công ty đã hoàn thành việc mua 15% vốn điều lệ của Công ty CP Sanofi Việt Nam và tiếp tục đầu tư mua thêm cổ phần để nâng tỷ lệ sở hữu lên 30% trong thời gian tới. Các nhà máy sản xuất dược phẩm của Công ty CP Sanofi Việt Nam (SVN) mới được đưa vào vận hành nhưng đã đạt được những kết quả khả quan. Doanh thu của SVN tăng trưởng nhanh và sẽ tăng mạnh kể từ năm 2020 khi đã hoàn thành việc đăng ký lưu hành toàn bộ số đăng ký của SSV từ nhà máy Thủ Đức và nhà máy Quận 4.

- Trong năm 2018 Tổng công ty cũng đã đồng thuận việc các công ty thành viên phát hành tăng vốn điều lệ, trong đó có Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar, Công ty CP Dược phẩm TW3 và đã hoàn thành việc mua cổ phần phát hành thêm dành cho cổ đông hiện hữu trong Quý I năm 2019.

- Trong năm 2018, doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính của Tổng công ty đạt 138,3 tỷ đồng, tăng 93,0 % so với năm trước (từ 08/12/2016-31/12/2017) và tương đương 196,7% kế hoạch năm 2018. Ngoài yếu tố cổ tức năm 2017 phải ghi giảm giá trị đầu tư theo quy định, năm 2018 có một số đơn vị trả cổ tức cao đột biến so với dự kiến như Công ty CP Sanofi Việt Nam, Công ty CP Dược phẩm TW3; Một số đơn vị thực hiện ứng cổ tức năm 2018 như: Codupha, Danapha, OPC,...

1

Đầu tư tài chính và quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác

2

Xây dựng Hệ thống phân phối

3

Đầu tư nâng công suất Trung tâm Nghiên cứu và phát triển KHCN Dược

2. Xây dựng Hệ thống phân phối

- Tổng công ty tiếp tục cùng các công ty con tập trung đầu tư xây dựng nâng cấp các cơ sở vật chất, xây dựng mới và nâng cấp hệ thống kho đạt chuẩn GSP, đầu tư phương tiện vận chuyển và các trang thiết bị phục vụ bảo quản, phân phối của mình.

- Hoàn thiện quy trình quản lý, cải tiến và áp dụng khoa học công nghệ trong vận hành hệ thống phân phối.

- Phát triển nguồn nhân lực, tổ chức đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động.

Trong thời gian qua Tổng công ty đã làm việc với các công ty thành viên cũng như các đối tác trong và ngoài nước và đã có những kết quả khả quan trong việc cung ứng nguồn hàng có chất lượng và lợi thế cho hệ thống phân phối của Tổng công ty. Tuy nhiên năm 2018 Tổng công ty tiếp tục thực hiện việc thoái vốn Nhà nước theo Quyết định số 1232/QĐ – TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Y tế. Trong khi thực hiện việc thoái vốn nhà nước và chưa chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC, Tổng công ty không được thay đổi quy mô và cơ cấu vốn điều lệ tại các đơn vị, do đó nguồn vốn cho đầu tư phát triển tại các công ty con bị hạn chế dẫn đến việc đầu tư xây dựng hệ thống phân phối của Tổng công ty và các công ty con chững lại, chưa đạt được như mục tiêu đề ra.

3. Đầu tư nâng công suất Trung tâm Nghiên cứu và phát triển KHCN

- Trong năm 2018 HĐQT, Ban Điều hành đã hoàn thành việc phê duyệt Dự án nâng công suất thử tương đương sinh học, phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Đưa vào vận hành thêm 01 Hệ thống HPLC cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KHCN Dược.

- Thực hiện lựa chọn các nhà thầu tư vấn, giám sát thực hiện dự án. Thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị phụ trợ tại 12 Ngõ Tất Tố, Hà Nội.

- Và thực hiện các hạng mục công việc khác để có thể chuyển toàn bộ Trung tâm Nghiên cứu phát triển KHCN Dược về 12 Ngõ Tất Tố trong Quý II, đầu Quý III năm 2019.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2019

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2018: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Tổng công ty trong thời gian tới; Căn cứ chỉ đạo của Bộ Y tế, Hội đồng quản trị xây dựng các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2019 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019		So với TH năm trước	
		Tổng hợp	Hợp nhất	Tổng hợp	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu	272	6.329	145,0%	103,6%
1.1	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	136	53	98,2%	56,7%
1.2	Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ	136	6.275	277,1%	104,6%
1.3	Thu nhập khác	-	1	-	9,9%
2	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	-	146	-	97,3%
3	Lợi nhuận trước thuế	93	218	102,7%	100,0%

Một số giả định quan trọng ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh năm 2019:

- Năm 2019 Tổng Công ty sẽ bán được các sản phẩm dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng với doanh thu dự kiến là 60 tỷ đồng.
- Dự kiến năm 2019 các công ty như: OPC, Danapha, Phytopharma thực hiện ứng cổ tức với tỷ lệ tương đương năm 2018 do các đơn vị này trong 3 năm liền kề đều thực hiện ứng cổ tức. Cổ tức của Công ty CP Sanofi-Synthelabo năm 2019 dự kiến nhận tương đương với năm 2018.
- Doanh thu hoạt động kiểm nghiệm năm 2019 giảm do kế hoạch chuyển khu làm việc từ Tôn Đức Thắng về 12 Ngô Tất Tố dẫn tới phải gián đoạn hoạt động cũng như cần thời gian xin cấp phép mới.



Các nhiệm vụ chính

1 Quản lý phân vốn Nhà nước và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp

2 Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện Hệ thống phân phối

3 Tiếp tục nâng cấp và mở rộng hoạt động nghiên cứu BABE theo kế hoạch

4 Hỗ trợ Trung tâm Dược mỹ phẩm để hoạt động có hiệu quả

5 Khai thác có hiệu quả các quỹ đất mà Tổng công ty đang quản lý và sử dụng

6 Thực hiện đầu tư một số dự án khác

7 Công tác thoái vốn nhà nước

8 Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác

1. Quản lý phân vốn Nhà nước và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp

Hoạt động đầu tư tài chính vào các đơn vị thành viên là lĩnh vực hoạt động quan trọng của Tổng công ty.

Tổng công ty tiếp tục đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên, đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả và an toàn.

Quản lý phân vốn nhà nước tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp thành viên theo đúng các quy định của pháp luật và điều lệ, quy định của Tổng công ty. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước và vốn của Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp.

2. Tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện Hệ thống phân phối

Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hệ thống phân phối chuyên nghiệp trên cơ sở 3 công ty con theo đúng quy định của cơ quan nhà nước và đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Trong thời gian qua Tổng công ty đã làm việc với các công ty thành viên cũng như các đối tác trong và ngoài nước và đã có những kết quả khả quan trong việc cung cấp nguồn hàng có chất lượng và lợi thế cho hệ thống phân phối của Tổng công ty. Vì vậy việc xây dựng Hệ thống phân phối là khả thi.

Tổng công ty sẽ tìm kiếm một số đối tác nước ngoài để tư vấn xây dựng hệ thống phân phối tiên tiến, hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, trên cơ sở khảo sát, tham khảo thêm các mô hình phân phối trong và ngoài nước.

3. Tiếp tục nâng cấp và mở rộng hoạt động nghiên cứu BABE theo kế hoạch

Hoàn thành việc đầu tư và chuyển Trung tâm Nghiên cứu phát triển KHCN Dược về địa chỉ 12 Ngô Tất Tố trong năm 2019.

Tìm kiếm cơ hội thực hiện dịch vụ kiểm nghiệm theo yêu cầu. Hợp tác với một số Trung tâm nước ngoài có uy tín để mở rộng thương hiệu BABE.

Tăng cường quảng bá dịch vụ thử tương đương sinh học của Tổng công ty trên các tạp chí chuyên ngành và các phương tiện truyền thông đại chúng để giới thiệu năng lực thử tương đương sinh học của Tổng công ty với các doanh nghiệp dược trong và ngoài nước

4. Hỗ trợ Trung tâm Dược mỹ phẩm để hoạt động có hiệu quả

Cơ cấu lại các hoạt động kinh doanh của Trung tâm, sắp xếp lại tổ chức, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt của Trung tâm. Giải quyết các tồn tại về nhân sự, tài chính và công nợ của Trung tâm.

Hỗ trợ Trung tâm tìm kiếm nguồn hàng có chất lượng, lợi thế và ký hợp đồng phân phối độc quyền. Hỗ trợ thực hiện công tác truyền thông về sản phẩm để thúc đẩy việc bán hàng.

5. Khai thác có hiệu quả các quỹ đất mà Tổng công ty đang quản lý và sử dụng

- Triển khai xây dựng dự án tòa nhà Văn phòng tại 178 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh để nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong những năm tiếp theo. Trong thời gian qua, Tổng công ty đã làm việc với các cơ quan chức năng và báo cáo UBND thành phố Hồ Chí Minh cho phép phá dỡ biệt thự cũ và đã được sự chấp thuận. Trên cơ sở đó Tổng công ty sẽ tiến hành các thủ tục để triển khai dự án.

- Tổng công ty tiếp tục phối hợp cùng đối tác để hoàn thành các thủ tục đầu tư xây dựng Văn phòng và chung cư tại 95 Láng Hạ, Hà Nội.

- Thúc đẩy việc chuyển nhượng hoặc cho thuê diện tích văn phòng thương mại và căn hộ tại Dự án 60B Nguyễn Huy Tưởng, Hà Nội.

6. Thực hiện đầu tư một số dự án khác

Đầu tư bổ sung và hoàn thiện Hệ thống phòng cháy chữa cháy của toàn bộ Văn phòng Tổng công ty và Trung tâm BABE, thực hiện thẩm duyệt và nghiệm thu đủ điều kiện PCCC theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Nghiên cứu, triển khai đề án phát triển nguồn dược liệu.

7. Công tác thoái vốn nhà nước

Tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định số 1232/QĐ – TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định, chỉ đạo của Bộ Y tế.

8. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác

Hoàn thành việc chuyển Trung tâm DVTM Dược Mỹ phẩm, Trung tâm Nghiên cứu phát triển KHCN Dược thành các Công ty TNHH MTV 100% vốn của Tổng công ty sau khi hoàn thành công tác thoái vốn.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Đinh Xuân Hán	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Ông Trần Anh Vương	Thành viên Hội đồng quản trị

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

Năm 2018 Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, ban hành 89 Nghị quyết và 23 Quyết định liên quan để quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty, cụ thể gồm các nhóm vấn đề sau:

1. Các nghị quyết, quyết định về việc ủy quyền người đại diện quản lý phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty và tiếp tục thực hiện quy chế quản lý Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty Dược Việt Nam tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Các Nghị quyết về việc trả lời Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có cổ phần vốn góp của Tổng công ty.
2. Nghị quyết về miễn nhiệm và bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.
3. Nghị quyết về một số nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức, nhân sự và tiền lương, Nghị quyết về xử lý tồn tại và trách nhiệm của các cá nhân tại Trung tâm Dược mỹ phẩm.
4. Nghị quyết về việc nộp tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2017 Công ty cổ phần Dược Danapha, Nghị quyết thống nhất phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi cổ phần của CTCP Dược Medipharco khi nhận sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyl BR s.r.l..
5. Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, nghị quyết phê duyệt thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình Dự án đầu tư nâng công suất Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển KHCN Dược (BE).
6. Nghị quyết về thực hiện các công việc liên quan đến triển khai Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà văn phòng Tổng công ty Dược Việt Nam tại khu đất 178 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
7. Nghị quyết về chủ trương thực hiện kế hoạch truyền thông cho sản phẩm Olimpiq SXC 250%.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đánh giá chung

Các cuộc họp Hội đồng quản trị, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản được thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

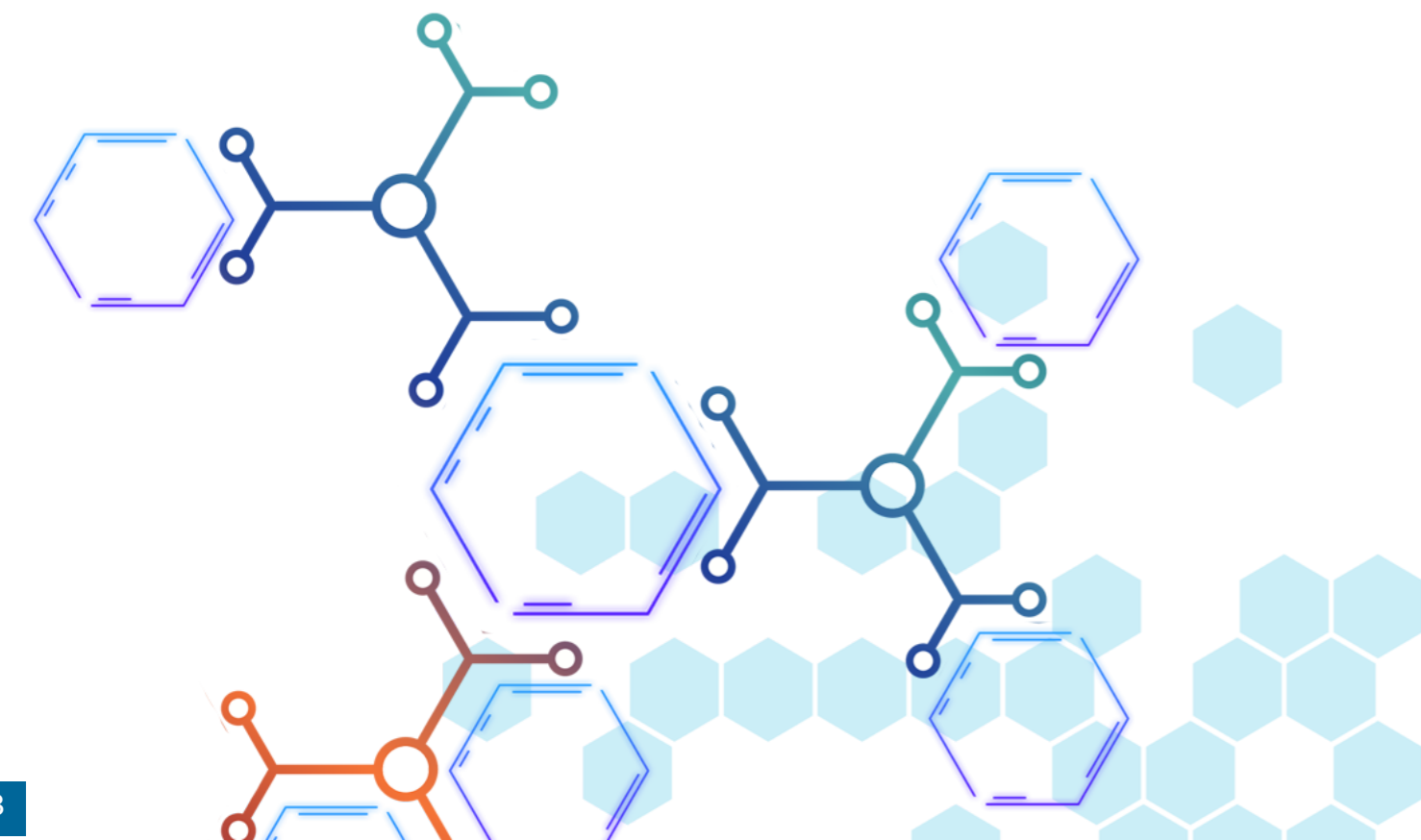
Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, trả lời phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị phù hợp quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và theo quyết định của Hội đồng quản trị về việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị.

Đánh giá kết quả giám sát của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng công ty chấp hành đúng, đầy đủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị góp phần ổn định cơ cấu tổ chức, nhân sự và các hoạt động của Tổng công ty trong giai đoạn sau cổ phần hóa, thành lập công ty cổ phần.

Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018

Trong năm 2018, việc chi trả tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Thư ký Tổng công ty được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Tổng công ty Dược Việt Nam – CTCP ngày 23/4/2018.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Văn Khái	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Ngô Thị Bích Thảo	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Trần Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ, thay mặt cổ đông kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty. Các hoạt động tập trung chủ yếu thực hiện các nội dung công việc sau:

- Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp để phân công trách nhiệm cho từng thành viên của Ban Kiểm soát thực hiện theo các chức năng đã được quy định và thống nhất đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kế toán tài chính của Tổng công ty năm 2018.

- Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần, hàng tháng với Ban lãnh đạo Tổng công ty để nắm vững tình hình hoạt động kinh doanh, những định hướng chiến lược kinh doanh, các giải pháp thực hiện và tham gia ý kiến đối với các nội dung của cuộc họp.

- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018; Việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban Điều hành. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Tham gia các công tác kiểm tra tại các đơn vị trực thuộc về thực hiện chính sách chế độ trong hoạt động kinh doanh, trong hạch toán kế toán, nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót trong công tác quản lý của Tổng công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý và Báo cáo tài chính của Tổng công ty năm 2018.

- Tham gia xây dựng và có ý kiến để hoàn thiện đối với các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản trị điều hành của Tổng công ty và giám sát việc thực hiện các quy trình, quy chế đã ban hành.

- Về kết quả giải quyết các kiến nghị của cổ đông: Trong năm 2018 Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của cổ đông về tình hình hoạt động của Tổng công ty.

- Giám sát việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh: Ban Kiểm soát thống nhất các nội dung đánh giá kết quả kinh doanh năm 2018 của HĐQT và Ban Điều hành.

- Kiểm soát tình hình tài chính và BCTC năm 2018: Ban Kiểm soát đồng ý với ý kiến của kiểm toán độc lập và kết quả kinh doanh năm 2018, về tình hình tài sản, nguồn vốn và tình hình tài chính. Tổng công ty đã thực hiện việc lập BCTC và thực hiện công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch và theo đúng các quy định của pháp luật.

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD.

Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Năm 2018 HĐQT đã tổ chức 04 phiên họp và lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và đã ban hành 89 Nghị quyết, 23 Quyết định của HĐQT.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình và tuân thủ pháp luật hiện hành, Điều lệ của Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Các nghị quyết của HĐQT được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, và các quy định của pháp luật.

Hoạt động của Ban Điều hành

- Trong năm 2018, Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có hiệu quả và tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ban Kiểm soát không nhận thấy dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm Soát với HĐQT và Ban Điều hành

- Năm 2018 Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Tổng công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng công ty.
- Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Ban điều hành đã gửi các báo cáo và tài liệu cho Ban Kiểm soát theo yêu cầu và theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, các tài liệu và thông tin về các nghị quyết của HĐQT cũng được cung cấp đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.
- Ban Kiểm soát cũng đã phối hợp với Ban Điều hành tập trung xử lý xử lý thu hồi công nợ, hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan việc hợp tác đầu tư các dự án.

Kiến nghị của Ban kiểm soát

Nhìn chung các hoạt động của Tổng công ty trong năm qua tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty, thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc một số nội dung sau:

- Tập trung đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu chiến lược 2017-2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua, đặc biệt là việc đẩy nhanh thực hiện việc xây dựng Hệ thống phân phối của Tổng công ty, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty con và hiệu quả kinh doanh tổng hợp của Tổng công ty.

- Sắp xếp và tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ về vốn, nhân sự để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty CP Dược TW3, Trung tâm Dược mỹ phẩm.

- Ban Kiểm soát kiến nghị Ban Điều hành cần có biện pháp thu hồi dứt điểm khoản công nợ đã phát sinh lâu ngày, trong đó có khoản phải thu về lợi nhuận hợp tác kinh doanh và tiền lãi trả chậm đối với Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2.

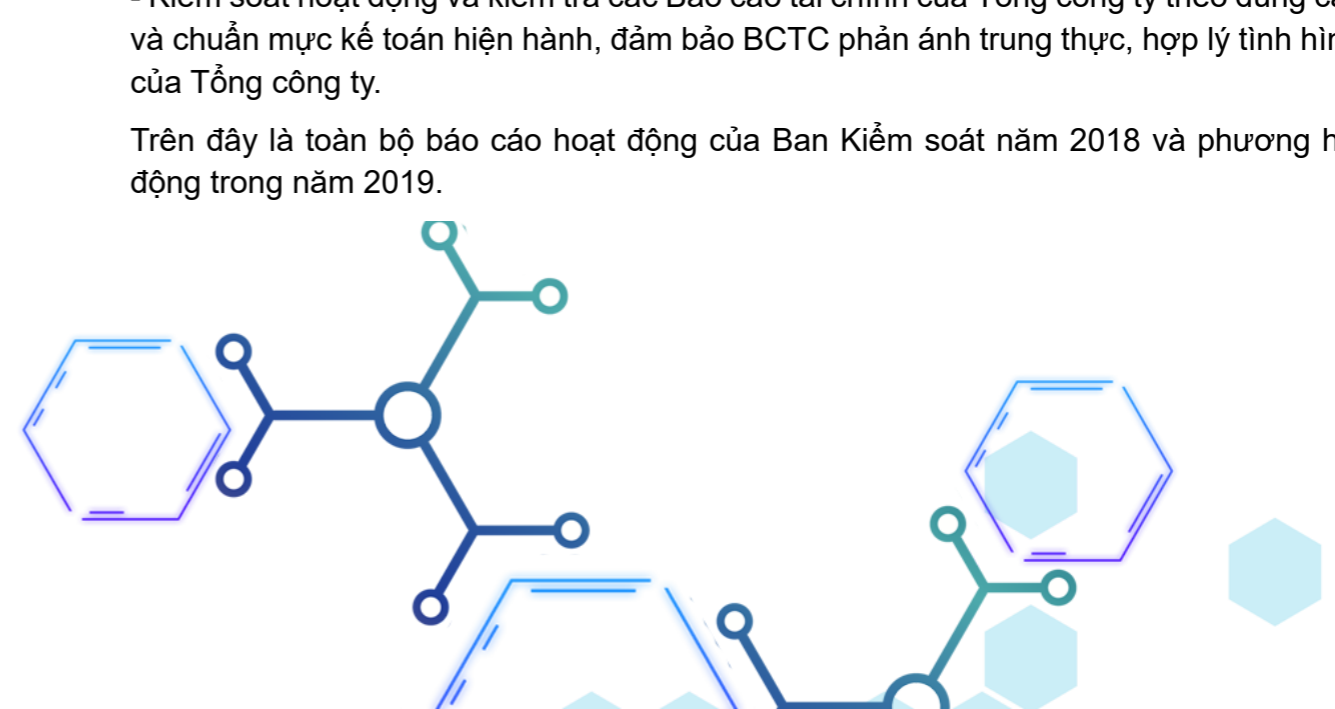
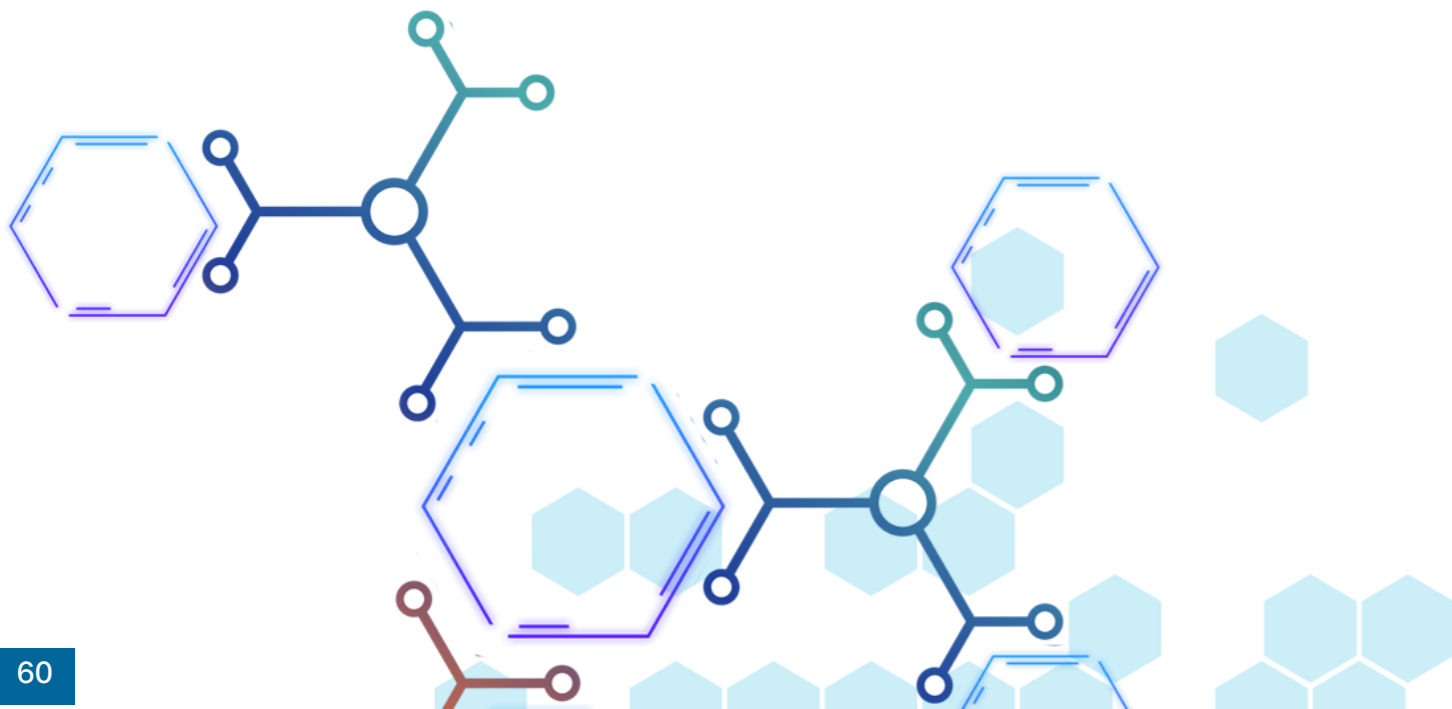
- Tổng công ty và các công ty con cần có các biện pháp quản lý chặt chẽ hàng tồn kho, đẩy mạnh công tác bán hàng, giảm rủi ro hàng chậm luân chuyển, giảm chất lượng.

- Thực hiện nghiêm các nội quy, quy chế hoạt động Tổng công ty đã ban hành.

Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo Điều lệ, Quy chế hoặc đột xuất nếu cần thiết.
- Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Điều hành Tổng công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ và thực hiện đúng các quy trình, quy chế của Tổng công ty.
- Tăng cường kiểm soát việc thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị.
- Kiểm soát hoạt động và kiểm tra các Báo cáo tài chính của Tổng công ty theo đúng các quy định và chuẩn mực kế toán hiện hành, đảm bảo BCTC phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 và phương hướng hoạt động trong năm 2019.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số: 0100109385 ngày 8 tháng 12 năm 2016

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 ngày 8 tháng 12 năm 2016. Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

- Ông Lê Văn Sơn - Chủ tịch
- Ông Đinh Xuân Hấn - Thành viên
- Bà Hàn Thị Khánh Vinh - Thành viên
- Ông Trần Anh Vương - Thành viên
- Bà Nguyễn Hồng Nhung - Thành viên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Sơn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

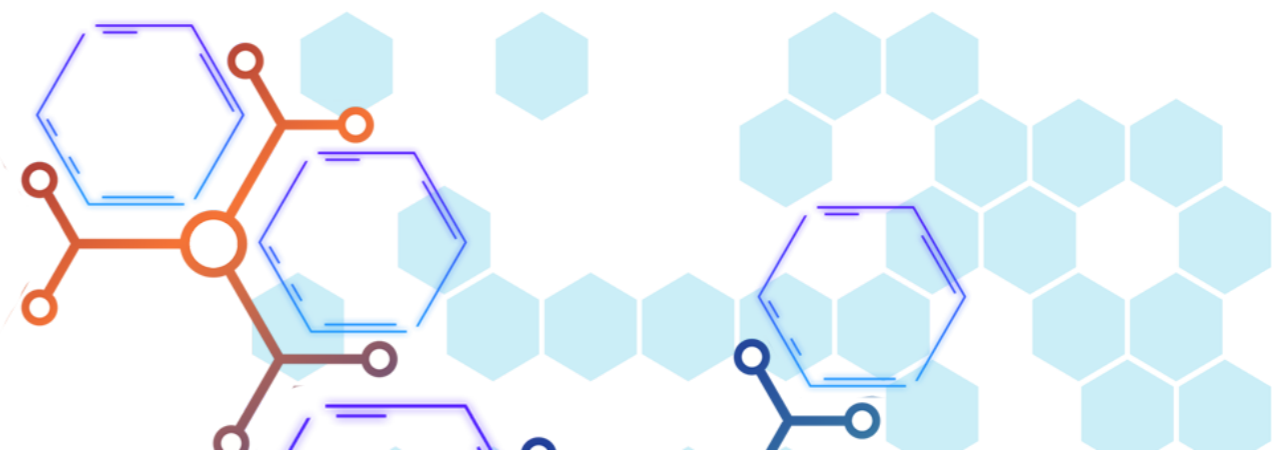
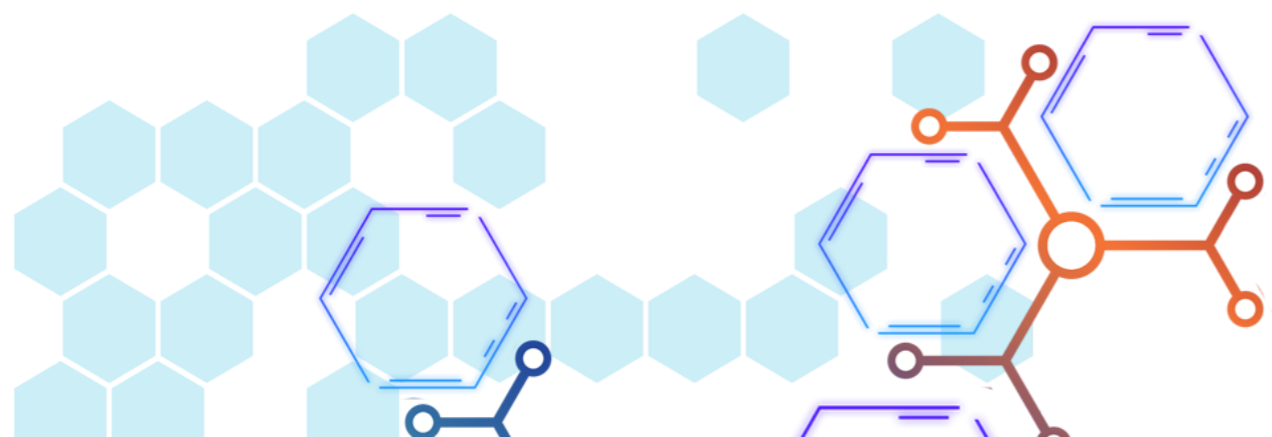
- Ông Đinh Xuân Hấn - Tổng Giám đốc
- Bà Hàn Thị Khánh Vinh - Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

- Ông Nguyễn Văn Khái - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Ngô Thị Bích Thảo - Thành viên
- Ông Trần Văn Hải - Thành viên

Trụ sở đăng ký: 12 phố Ngô Tất Tố, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam



TỔNG CÔNG TY DƯỢC VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 58 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

TM. Ban Tổng Giám Đốc



Đình Xuân Hán

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Kính gửi: Các cổ đông

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh

doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 58.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu

cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 37 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó có đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 và cho giai đoạn từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.647.447.122.333	4.057.863.982.232
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	170.381.283.497	256.025.872.891
Tiền	111		123.881.283.497	182.525.872.891
Các khoản tương đương tiền	112		46.500.000.000	73.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		358.480.000.000	222.480.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	358.480.000.000	222.480.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.635.529.942.729	1.896.532.374.932
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.485.274.967.808	1.705.784.608.155
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.633.183.180	33.543.420.943
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	108.416.837.792	163.145.786.922
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	-9.995.221.481	-5.941.441.088
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		200.175.430	0
Hàng tồn kho	140	9	1.444.584.212.284	1.635.631.891.882
Hàng tồn kho	141		1.456.048.771.905	1.637.780.782.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-11.464.559.621	-2.148.890.475
Tài sản ngắn hạn khác	150		38.471.683.823	47.193.842.527
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.390.451.164	3.952.388.560
Thuế GTGT được khấu trừ	152		30.913.953.423	41.377.908.488
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	5.167.279.236	1.863.545.479

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Bảo cáo kiểm toán số: 18-02-00150-19-4
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KPMG
M.S.D.N.G. 03.02.2018
Q. NAM TỬ LIÊM, T.P. HÀ NỘI

Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-0070-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội,

Đàm Xuân Luân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-0070-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 240 + 250 + 260)	200		2.066.142.351.495	2.034.053.064.598
Các khoản phải thu dài hạn	210		125.785.628	133.385.628
Phải thu dài hạn khác	216		125.785.628	133.385.628
Tài sản cố định	220		319.978.997.066	249.856.600.519
Tài sản cố định hữu hình	221	10	234.796.319.936	162.222.060.358
- Nguyên giá	222		485.650.107.960	390.318.901.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-250.853.788.024	-228.096.841.238
Tài sản cố định vô hình	227	11	85.182.677.130	87.634.540.161
- Nguyên giá	228		92.339.368.508	91.926.569.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-7.156.691.378	-4.292.029.834
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.714.852.419	83.729.158.153
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.714.852.419	83.729.158.153
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.690.009.822.314	1.633.875.525.018
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5(b)	874.902.662.452	831.510.206.356
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	797.248.443.111	809.248.443.111
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	-15.141.283.249	-6.883.124.449
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	33.000.000.000	0
Tài sản dài hạn khác	260		52.312.894.068	66.458.395.280
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	52.312.894.068	66.458.395.280
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.713.589.473.828	6.091.917.046.830

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND Đã điều chỉnh lại
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.052.574.892.618	3.570.132.705.552
Nợ ngắn hạn	310		2.995.996.812.258	3.509.906.445.192
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.484.071.791.794	1.727.317.685.275
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		78.420.136.668	66.386.705.415
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.004.970.471	12.883.889.726
Phải trả người lao động	314		22.999.926.373	28.983.667.710
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.820.906.723	2.643.167.491
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.352.596.146	1.803.416.505
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	45.751.854.906	91.681.241.690
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19(a)	1.333.947.139.426	1.566.367.893.716
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	16.627.489.751	11.838.777.664
Nợ dài hạn	330		56.578.080.360	60.226.260.360
Phải trả dài hạn khác	337	18(a)	13.081.041.754	13.081.041.754
Vay dài hạn	338	19(a)	41.951.820.000	45.600.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.545.218.606	1.545.218.606
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.661.014.581.210	2.521.784.341.278
Vốn chủ sở hữu	410	21	2.661.014.581.210	2.521.784.341.278
Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		23.824.230.171	141.881.231
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-539.737.478.258	-563.374.923.935
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		3.620.375.973	3.633.438.848
Quỹ đầu tư phát triển	418		149.758.376.786	133.247.813.762
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		449.085.441	299.401.187
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		487.725.132.317	416.532.687.165
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		313.053.806.461.987	212.135.055.592
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		174.671.670.330	204.397.631.573
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		165.374.858.780	161.304.043.020
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.713.589.473.828	6.091.917.046.830

Ngày 08 tháng 04 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Người duyệt

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24	6.048.683.975.119	6.842.044.144.674
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	24	48.001.960.275	34.110.765.483
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	24	6.000.682.014.844	6.807.933.379.191
Giá vốn hàng bán	11	25	5.485.420.342.406	6.195.858.636.732
Lợi nhuận gộp (20=10 - 11)	20		515.261.672.438	612.074.742.459
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	93.444.577.089	78.260.336.063
Chi phí tài chính	22	27	124.789.396.070	135.958.960.752
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		89.299.122.443	79.350.440.428
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		150.134.190.469	165.012.682.961
Chi phí bán hàng	25	28	290.405.591.652	329.713.108.934
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	126.368.743.332	146.820.615.511
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30		217.276.708.942	242.855.076.286
Thu nhập khác	31	30	3.484.674.188	48.692.981.585
Chi phí khác	32	31	3.009.229.295	15.194.987.684
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		475.444.893	33.497.993.901
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		217.752.153.835	276.353.070.187
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	11.433.918.720	19.099.770.689
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		206.318.235.115	257.253.299.498
Phân bổ cho:				
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		186.920.865.323	223.250.729.013
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		19.397.369.792	34.002.570.485
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	737	862


Ngày 08 tháng 04 năm 2019

Người lập

Người duyệt


Nguyễn Thị Hằng
Người lập


Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng


Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc


Đinh Xuân Hân
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	217.752.153.835	276.353.070.187
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí đất trả trước	2	36.687.061.803	34.594.059.936
Các khoản dự phòng	3	21.627.608.339	8.739.068.208
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	2.352.500.541	3.904.702.512
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	-212.362.396.274	-232.780.969.420
Chi phí lãi vay	6	89.299.122.443	79.350.440.428
Các khoản điều chỉnh khác	7	0	-2.034.203.169
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	155.356.050.687	168.126.168.682
Biến động các khoản phải thu	9	269.749.462.406	193.146.236.118
Biến động hàng tồn kho	10	181.732.010.452	-282.507.575.746
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	-282.085.767.596	-197.839.128.944
Biến động chi phí trả trước	12	14.704.315.673	33.258.865.144
		339.456.071.622	-85.815.434.746
Tiền lãi vay đã trả	14	-88.813.810.574	-78.075.329.824
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-22.435.185.016	-16.011.532.057
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.179.924.308	21.302.733.635
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-13.709.541.244	-657.291.242.953
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	215.677.459.096	-815.890.805.945

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 8/12/2016 đến 31/12/2017 VND Đã điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-29.848.954.721	-155.485.135.222
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.827.943.552	71.385.114.837
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-626.960.000.000	-254.480.000.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	457.960.000.000	290.200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	-277.469.534.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	129.525.170.979	91.439.115.779
Cổ tức được chia liên quan đến giai đoạn trước khi Tổng Công ty chuyển sang công ty cổ phần ghi giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	27	12.000.000.000	18.632.396.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-54.495.840.190	-215.778.042.498
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-71.400.000	-309.589.300
Tiền thu từ đi vay	33	4.610.182.443.757	4.697.855.499.963
Tiền trả nợ gốc vay	34	-4.846.251.378.047	-4.337.851.255.707
Tiền trả cổ tức	36	-10.664.894.000	-24.861.425.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-246.805.228.290	334.833.229.835
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	-85.623.609.384	-696.835.618.608
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	256.025.872.891	952.810.035.017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-20.980.010	51.456.482
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	170.381.283.497	256.025.872.891

Ngày 08 tháng 04 năm 2019

Người lập

Nguyễn Thị Hằng
Người lập

Trần Anh Tuấn
Kế toán trưởng

Người duyệt

Hàn Thị Khánh Vinh
Phó Tổng Giám đốc



Đình Xuân Hân
Tổng Giám đốc



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ DƯỢC

Địa chỉ: 160 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại/Fax: (84-24) 3732 7434

Email: trungtamkhcn@vinapharm.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 126A Trần Quốc Thảo, P. 7, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3829 0795

Fax: (84-28) 3820 2265

TRUNG TÂM DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI DƯỢC MỸ PHẨM - VINAPHARM

Địa chỉ: 12 Ngô Tất Tố, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3514 4229

Fax: (84-24) 3856 1030

Email: vinapharm1@vinapharm.com.vn